Chương 2: Các khái niệm cơ bản về mạng máy tính

Giảng viên: Nguyễn Đức Toàn

Bộ môn Truyền thông và Mạng máy tính Viện CNTT&TT - ĐHBK Hà Nội

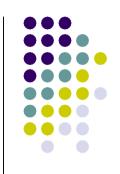






- Giới thiệu môn học
- Lược sử Internet
- Khái niệm mạng máy tính
- Một số vấn đề cơ bản: chuyển mạch kênh vs. chuyển mạch gói, hướng liên kết vs. không liên kết...





- Kiến trúc phân tầng
- Mô hình tham chiếu OSI & TCP/IP
- ðja chỉ hóa
- Tên miền và chuyển đổi tên miền

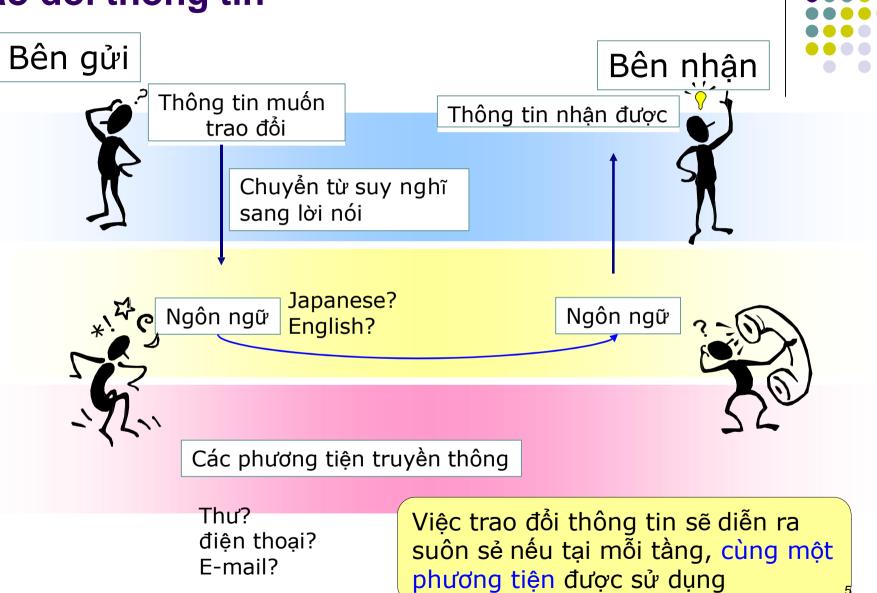
Kiến trúc phân tầng

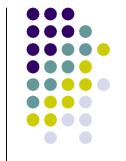
Ví dụ

Tại sao phải phân tầng?



Phân chia các chức năng trong việc trao đổi thông tin





Ví dụ phân tầng (1)

Phân tầng



Bộ dàn âm thanh

Player Speaker Amplifier

Không phân tầng

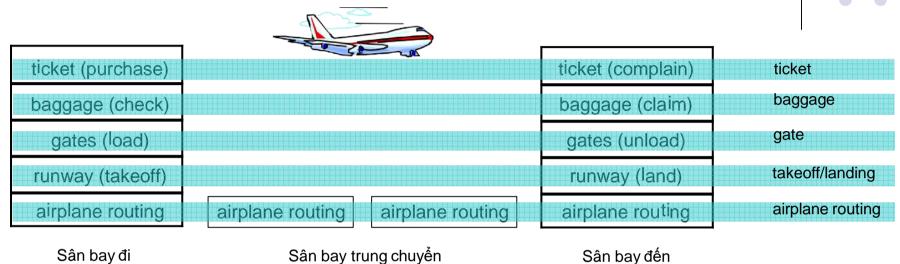


Cassette

Tất cả chức năng đều đặt cả trong một khối Khi muốn thay đổi: Nâng cấp toàn bộ

Phân tầng các chức năng hàng không





Tầng: Mỗi tầng có nhiệm vụ cung cấp 1 dịch vụ

- Dựa trên các chức năng của chính tầng đó
- Dựa trên các dịch vụ cung cấp bởi tầng dưới

Vì sao phải phân tầng?



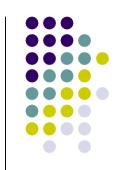
- ðối với các hệ thống phức tạp: nguyên lý "chia để trị"
- Cho phép xác định rõ nhiệm vụ của mỗi bộ phận và quan hệ giữa chúng
- Cho phép dễ dàng bảo trì và nâng cấp hệ thống
 - Thay đổi bên trong một bộ phận không ảnh hưởng đến các bộ phận khác
 - e.g., Nâng cấp từ CD lên DVD player mà không phải thay loa.

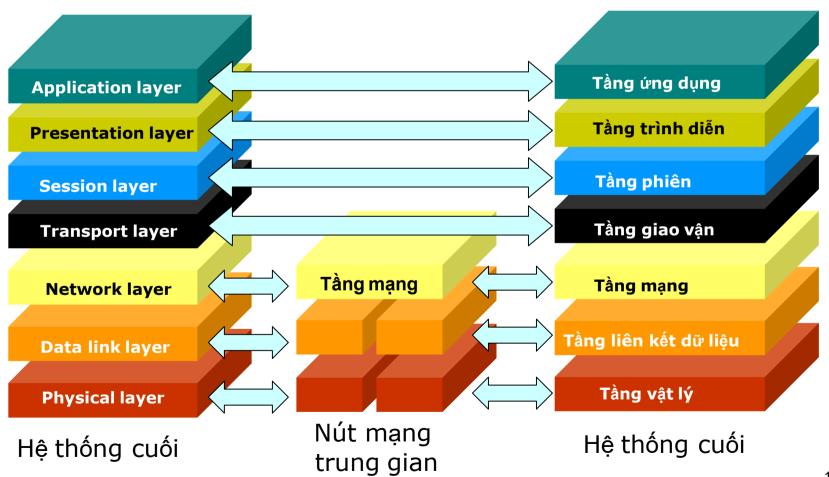
Các mô hình tham chiếu

Mô hình OSI Mô hình TCP/IP

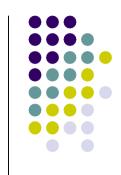


OSI - Open System Interconnection: Bao gồm 7 tầng









- Vật lý: Truyền bits "trên đường truyền"
- Liên kết dữ liệu: Truyền dữ liệu giữa các thành phần nối kết trong một mạng
- Mạng: Chọn đường, chuyển tiếp gói tin từ nguồn đến đích
- Giao vận: Xử lý việc truyền-nhận dữ liệu cho các ứng dụng
- Phiên: đồng bộ hóa, check-point, khôi phục quá trình trao đổi
- Trình diễn: cho phép các ứng dụng biểu diễn dữ liệu, e.g., mã hóa, nén, chuyển đổi...
- Ứng dụng: Hỗ trợ các ứng dụng trên mạng.

application presentation

session

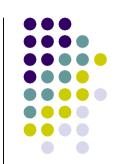
transport

network

data link

physical

Mô hình OSI và TCP/IP

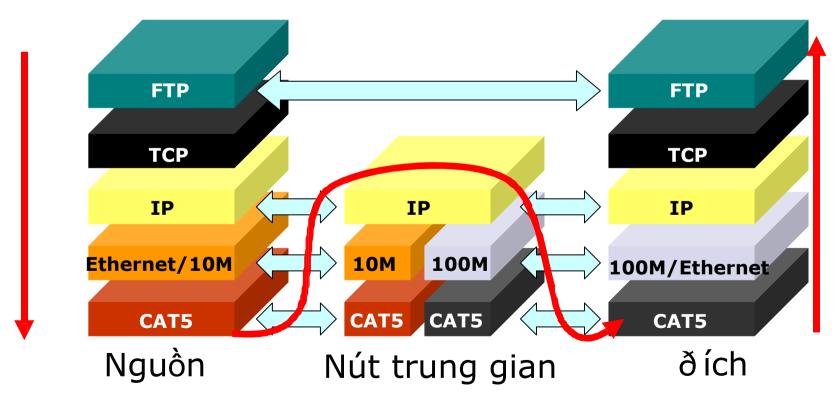


Trong mô hình TCP/IP (Internet), chức năng3 tầng trên được phân định vào một tầng duy nhất

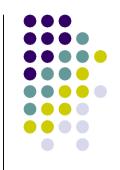
Application layer	Application нттр, гтр , sмтр	
Presentation layer		
Session layer		
Transport layer	TCP	UDP
Network layer	IP	
Datalink layer	Network Interface	
Physical layer	Physical	

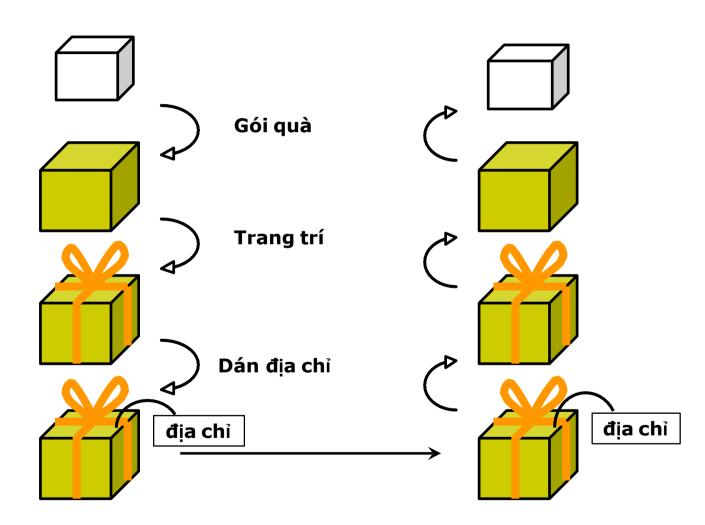
Mô hình phân tầng của Internet

Ví dụ về quá trình gửi dữ liệu từ nguồn, qua nút trung gian (bộ định tuyến) rồi đến đích

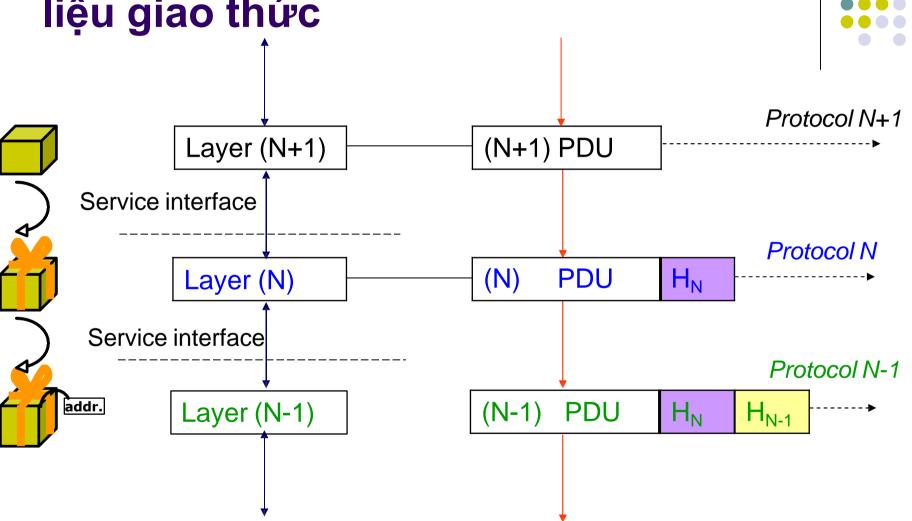


ðóng gói dữ liệu (Encapsulation)

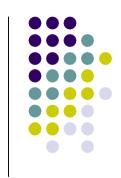




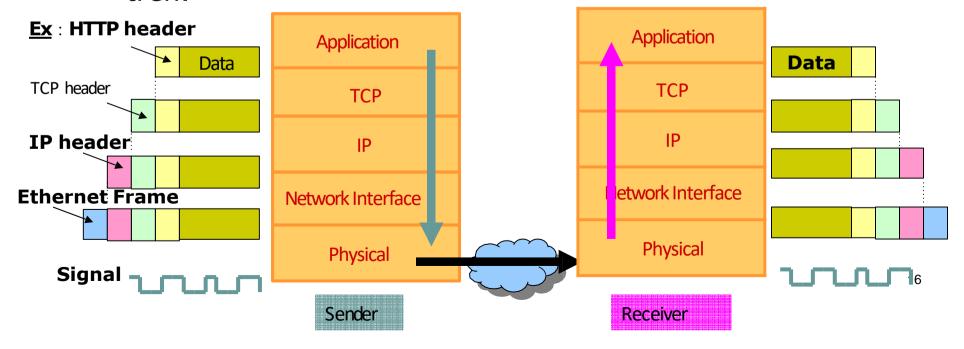
PDU: Protocol Data Unit – ðon vị dữ liệu giao thức



Họ giao thức TCP/IP và quá trình đóng gói

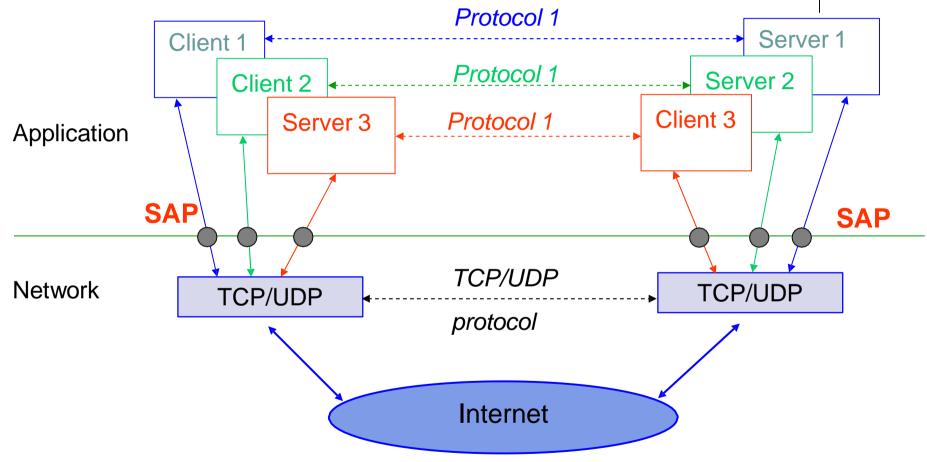


- Bên gửi
 - Mỗi tầng thêm vào các thông tin điều khiển vào phần đầu gói tin (header) và truyền xuống tầng dưới
- Bên nhận
 - Mỗi tầng xử lý gói tin dựa trên thông tin trong phần đầu, sau đó bỏ phần đầu, lấy phần dữ liệu chuyển lên tầng trên.

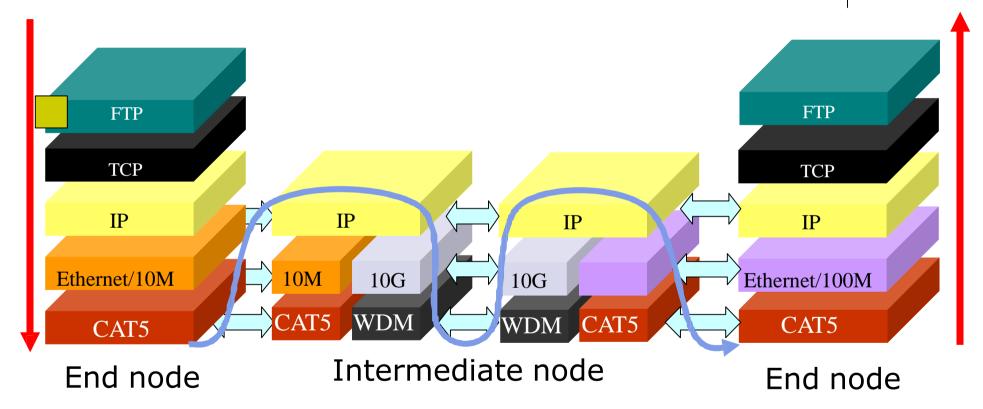


SAP: Service Access Point – điểm truy nhập dịch vụ



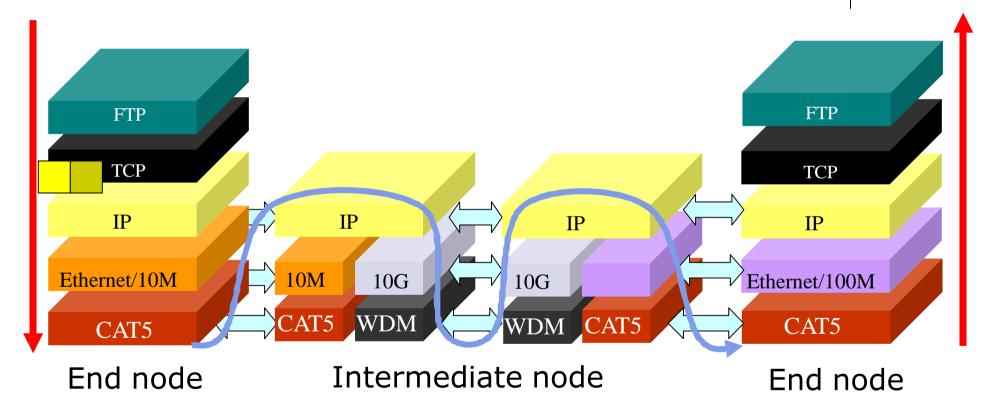




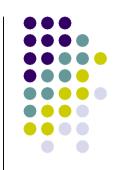


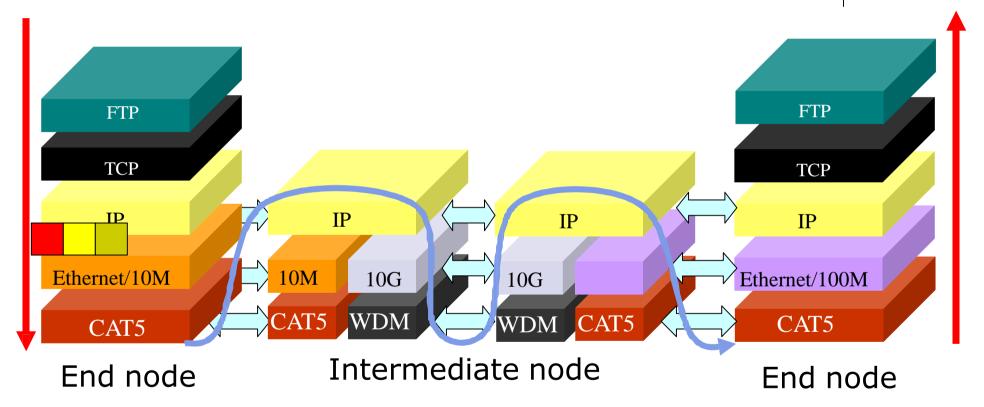
Dữ liệu - payload





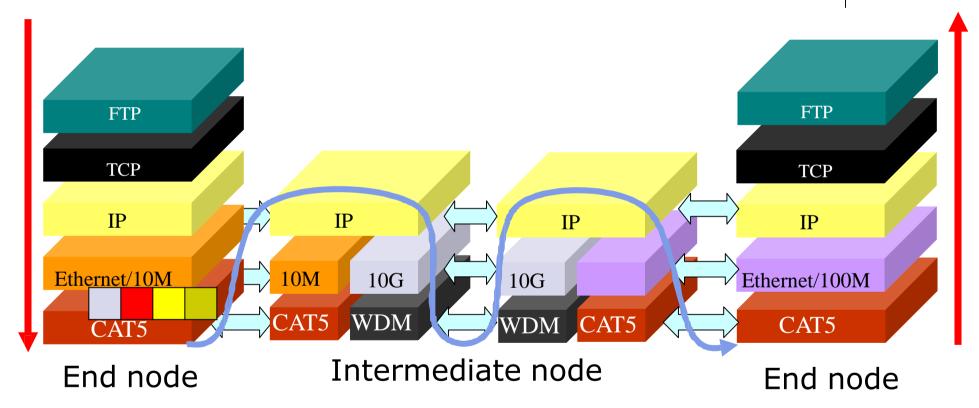
TCP header Dữ liệu - payload



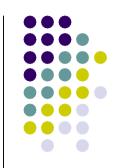


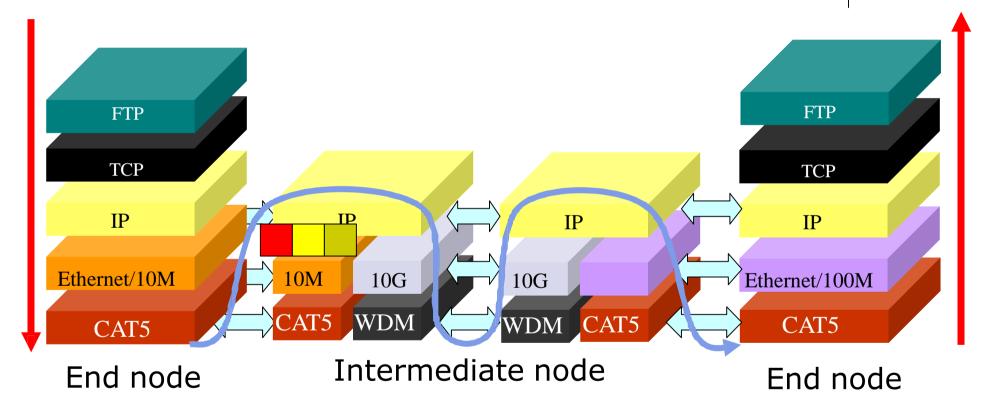




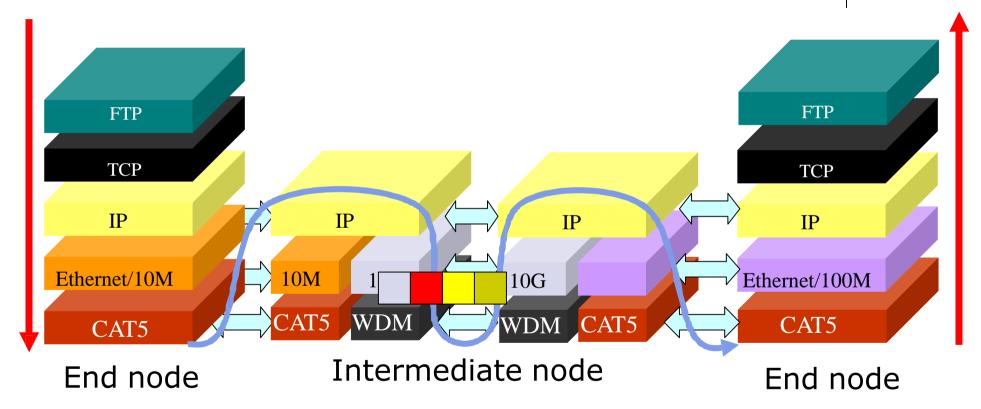






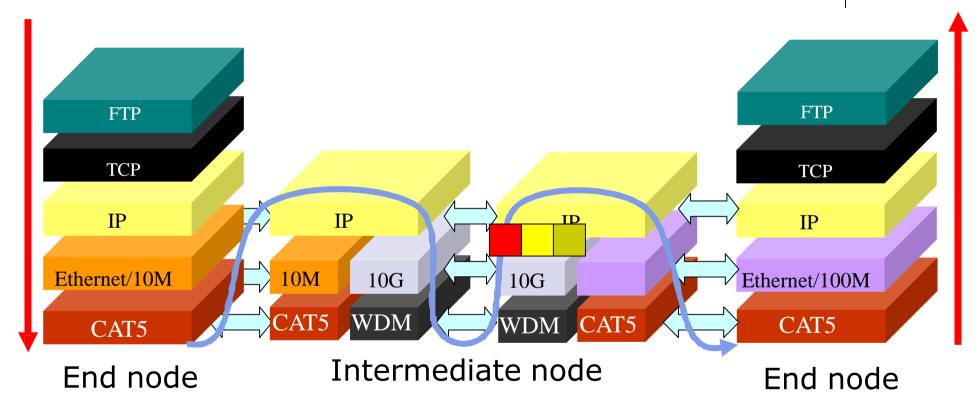




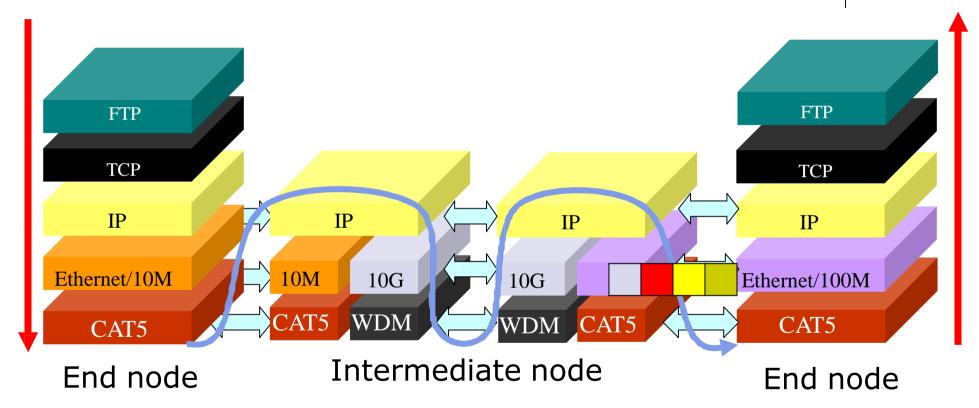




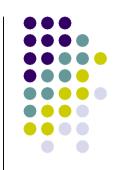


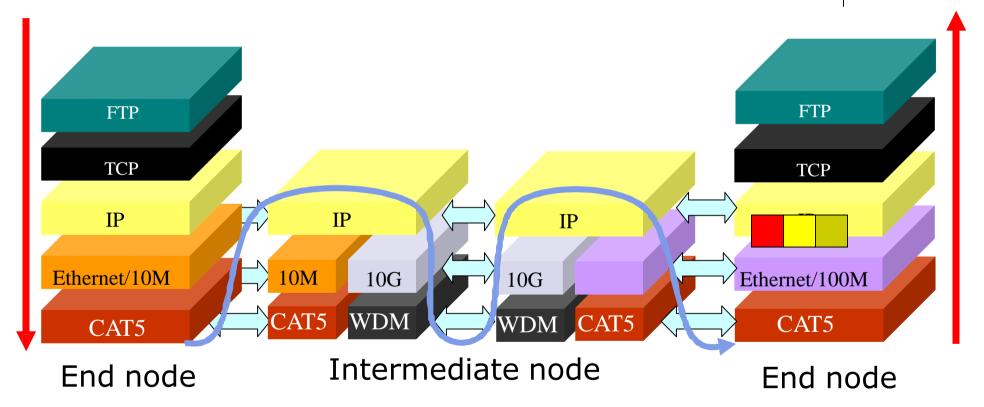




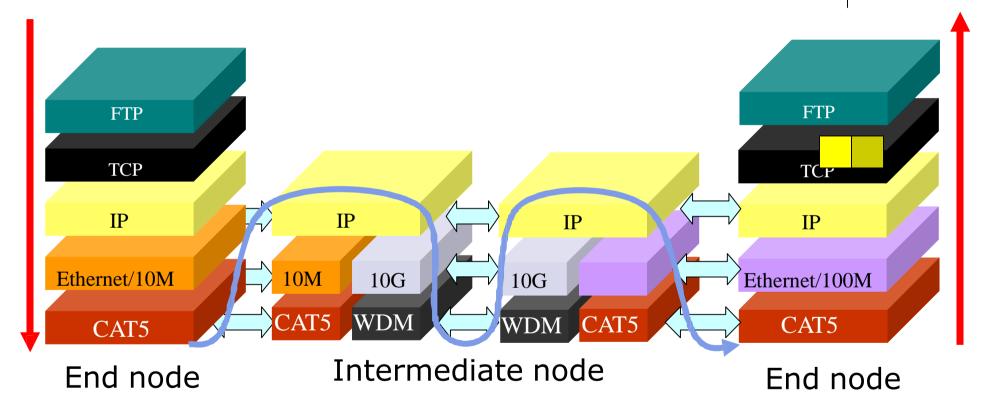




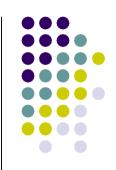


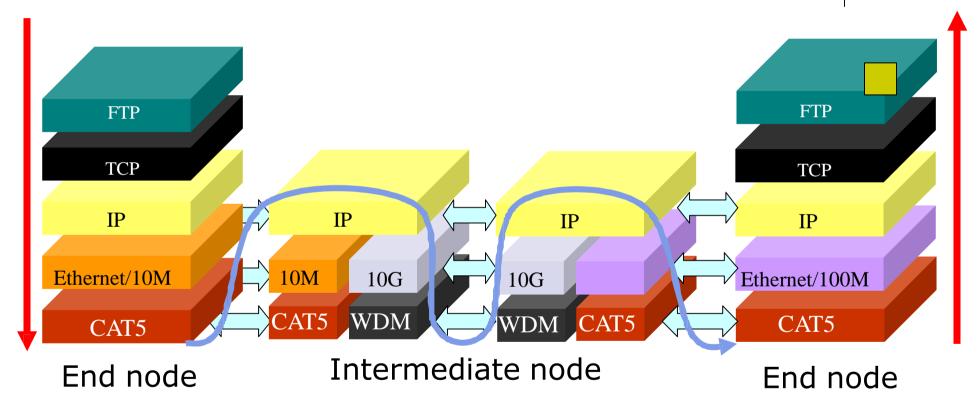












Dữ liệu - payload

Tóm tắt: ưu điểm của kiến trúc phân tầng



- Chia nhỏ cho phép xác định dễ dàng chức năng mỗi tầng
- Các tầng hoạt động độc lập
 - Tầng trên chỉ quan tâm đến việc sử dụng tầng dưới mà không quan tâm đến các tầng xa hơn
 - Cho phép định nghĩa giao diện chung giữa các tầng
- Khả năng mở rộng
- Mềm dẻo, linh hoạt với các công nghệ mới
 - Trao đổi giữa các tầng đồng mức
 - Có thể cải tiến hệ thống bằng cách thay thế một công nghệ mới của tầng tương ứng: ISDN→ADSL→FTTH、IPv4→IPv6
- Nếu không phân tầng
 - Khi muốn thay đổi, phải làm toàn bộ...

Các định danh trên Internet

ðịa chỉ MAC ðịa chỉ IP Số hiệu cổng





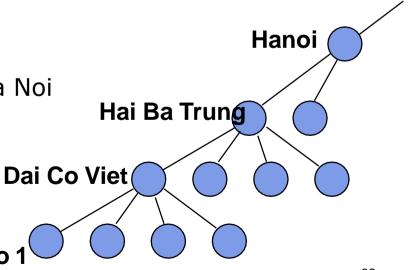
ðinh danh

- Các định danh cho phép xác định một người hay một đối tượng
 - Tên
 - Nguyen Thuc Hai
 - ðja chỉ
 - 1 Dai Co Viet, Hai Ba Trung, Ha Noi
 - Số điện thoại
 - 8680896
 - Email
 - hai--xxx@it.hut.edu.vn

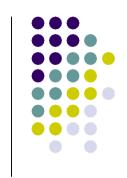
ðịnh danh và cây phân cấp

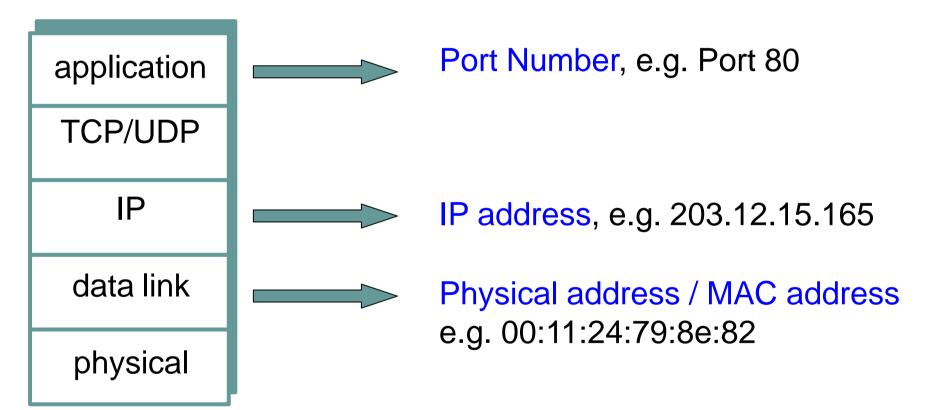


- Các định danh xác định địa chỉ có tính phân cấp
 - Cho phép quản lý một các logic và hiệu quả một không gian địa chỉ khổng lồ
 - Tính mở rộng
- Ví dụ về tính phân cấp
 - ðja chỉ
 - 1 Dai Co Viet, Hai Ba Trung, Ha Noi
 - Số điện thoại
 - +84-(4) 868-08-96



ðinh danh trên Internet và quan hệ với các tầng





ðja chỉ dùng trong tầng liên kết dữ liệu



- ðịa chỉ vật lý / địa chỉ MAC
 - Sử dụng trong tầng liên kết dữ liệu
 - Cổ định trên card mạng NIC (Network Interface Card)
 - Sử dụng để địa chỉ hóa máy tính trong các mạng quảng bá

HEX 00:11:24:79:8e:82

00000000 00010001 00100100 01111001 10001110 10000010

OUI

Gán bới nhà sản xuất

OUI (Organizationally Unique Identifier): Mã nhà sản xuất Mỗi nhà sản xuất có các giá trị OUI riêng Mỗi nhà sản xuất có thể có nhiều OUI





- ðja chỉ IP
- Dùng trong giao thức IP Internet Protocol (tầng mạng)
- Giá trị phụ thuộc từng mạng, mỗi card mạng được gán một địa chỉ IP
- Sử dụng để đinh danh một máy tính trong một mạng IP, ví dụ:
 - 133.113.215.10 (ipv4)
 - 2001:200:0:8803::53 (ipv6)





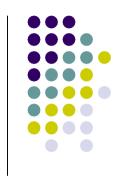
- Số hiệu cổng
 - Một chỉ số phụ, dùng kèm theo địa chỉ IP
 - Các ứng dụng được dịnh danh bởi một địa chỉ
 IP và một số hiệu cổng
 - Tương tự như số phòng trong một tòa nhà
 - ðịa chỉ nhà : Nhà C1, 1 Dai Co Viet, Ha Noi => ðịa chỉ
 IP
 - Phòng số 325 => Số hiệu cổng
- E.g. HTTP cổng 80, FTP cổng 20, 21 ...

Ánh xạ địa chỉ

Tên miền Chuyển đổi tên miền nslookup arp

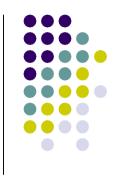


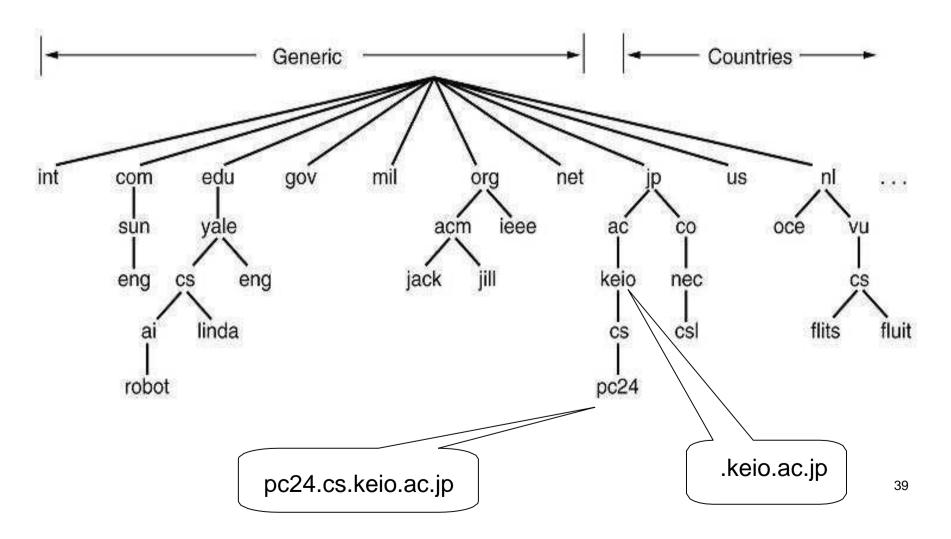




- Domain Name (FQDN: Fully Qualified Domain Name)
 - Tên miền là tên của một máy tính hay của một mạng máy tính, sử dụng tên (chữ cái, chữ số)
 - www.keio.ac.jp
 - www.hedspi.hut.edu.vn
 - .hut.edu.vn







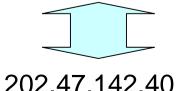
Tên và địa chỉ

- Trước khi truyền tin, máy trạm phải được xác định
 - Bởi một địa chỉ IP, hoặc
 - Bởi một tên miền (thuận tiện cho NSD)
- Tên
 - ðộ dài thay đổi
 - Dễ nhớ cho con người
 - Không liên quan tới vị trí vật lý của máy
- ðja chỉ
 - ðộ dài cố định
 - Dễ cho máy tính để xử lý
 - Liên quan tới vấn đề chọn đường

203.162.7.194

www.hedspi.hut.edu.vn





Chuyển đổi địa chỉ và ví dụ

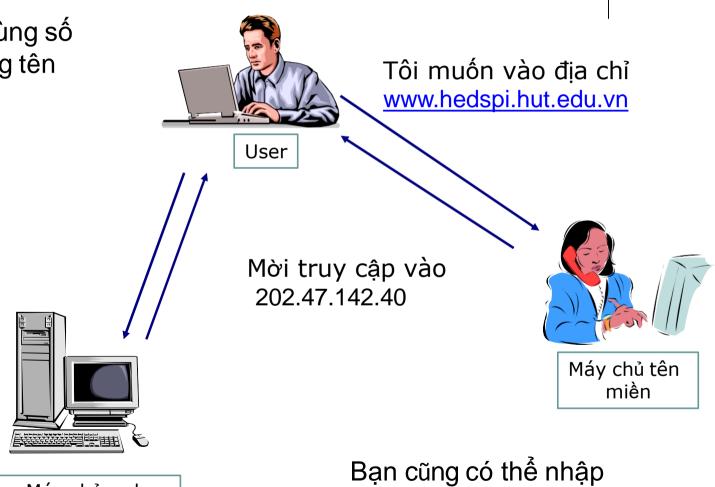


Máy tính thích dùng số

Người thích dùng tên



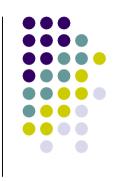
Cần có chuyển đổi địa chỉ



Máy chủ web 202.47.142.40

Bạn cũng có thể nhập địa chỉ trực tiếp



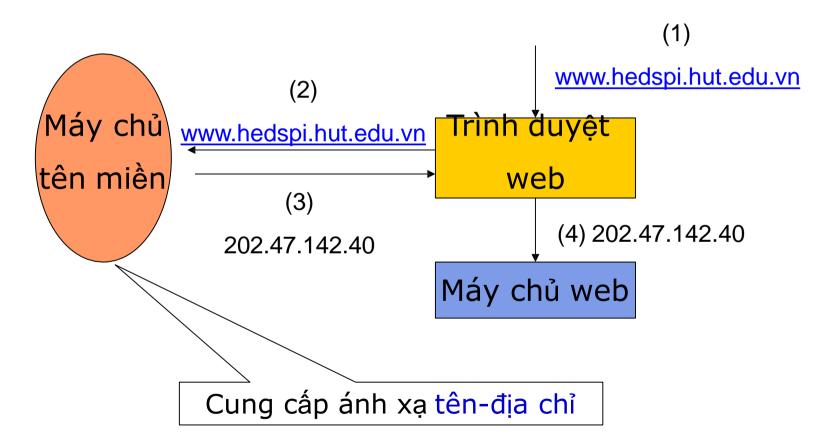


- Khái niệm
 - Cơ chế cho phép tìm một địa chỉ IP từ một tên miền và ngược lại
- Máy chủ tên miền
 - Một phương thức được sử dụng để chuyển đổi địa chỉ
 - ðược sử dụng rộng rãi trên Internet





NSD



Công cụ nslookup

- Nhập tham số <u>www.hedspi.hut.edu.vn</u>
- Chuyển đôi "Tên ⇔ ðịa chỉ" được thực hiện
 - lệnh nslookup
 - nslookup www.hedspi.hut.edu.vn

C:\Documents and Settings\hongson>nslookup www.hedspi.hut.edu.vn

Server:

Address: 192.168.1.1

Non-authoritative answer:

Name: www.hedspi.hut.edu.vn

Address: 202.47.142.140

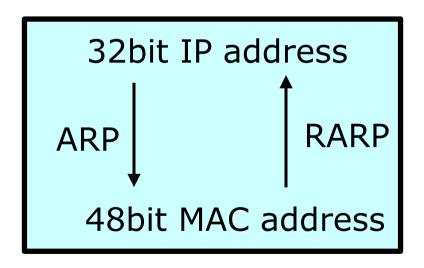
C:\Documents and Settings\hongson>



ARP chuyển đổi địa chỉ vật lý – địa chỉ IP



- Address Resolution Protocol
- Một giao thức để tìm địa chỉ vật lý từ địa chỉ IP



Ví dụ: ARP table (Trên Windows)







- Kiến trúc phân tầng
 - Tại sao phải phân tầng
 - Mô hình TCP/IP vs. mô hình OSI
 - Encapsulation, PDU. SAP
- ðja chỉ trên Internet
 - ðịa chỉ IP, địa chỉ MAC, tên miền, số hiệu cổng
 - Chuyển đổi địa chỉ

Tuần tới...



- Nguyên lý chung của tầng mạng
- Giao thức IP
 - Chi tiết hơn về địa chỉ IP
 - Xử lý gói tin IP tại tầng mạng
- Giao thức ICMP